

Số: **22** /2024/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt,
hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng,
giai đoạn 2025 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;
Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;
Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người
khuyết tật;
Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của
Luật Bảo hiểm y tế;
Căn cứ Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP
ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện
pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

Thực hiện Thông báo số 2437-TB/TU ngày 02 tháng 12 năm 2024 đồng ý chủ trương ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030;

Xét Tờ trình số 305/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-VHXXH ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Báo cáo thẩm tra số 50/BC-VHXXH ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm:

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gồm:

a) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ.

3. Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

d) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

đ) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

e) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

g) Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

4. Trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục.

5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

6. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ hàng tháng

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm hàng tháng (ngoài mức trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định hiện hành) để bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách bằng với mức chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ hàng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

c) Đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định.

2. Hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế



Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế hàng năm.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện và thời gian hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp đối tượng hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với mức khác nhau theo quy định tại Nghị quyết này hoặc Nghị quyết quy định chính sách đặc thù khác của thành phố thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Trẻ em có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Trẻ em quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này không bao gồm trẻ em được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

c) Trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục được hỗ trợ đến khi mẹ đủ 18 tuổi.

3. Thời gian thực hiện hỗ trợ

Đối tượng trẻ em được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này tiếp tục được hỗ trợ hàng tháng và hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế 36 tháng kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo hoặc thoát cận nghèo.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách thành phố.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Bãi bỏ các nhóm đối tượng trẻ em đang hưởng chính sách trong các quy định sau:

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và đối tượng trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (không phải là trẻ em mồ côi) được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.



b) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020 - 2025.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ PC (Bộ TC); Vụ PC (Bộ LĐTBXH);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TTQU, TTHU; TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

PHÓ CHỦ TỊCH